

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 152/2019/DS-ST
Ngày 02 - 10 - 2019
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mỹ Hương
Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 560/2019/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 289/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 315/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019, Thông báo bổ sung người tiến hành tố tụng ngày 06 tháng 9 năm 2019, Thông báo dời ngày xét xử ngày 05 tháng 9 năm 2019 và ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1954 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp X, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh B, bà Trần Bạch T (có mặt)
Địa chỉ: Ấp X, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B:

Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp X, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Huỳnh Văn L (vắng mặt)

2. Chị Huỳnh Thị Ngọc Th (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp X, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:

Bà L có tham gia chơi 01 chung hụi do bà Trần Bạch T làm chủ, loại hụi 500.000 đồng, gồm 44 chung, mỗi tháng khui một lần, mở ngày 25/10/2015 âm

lịch, hội mãn ngày 05/5/2019 âm lịch. Bà T không thanh toán tiền hội cho bà, lý do bà T đưa ra là trừ tiền con bà là Huỳnh Văn Lia nợ của bà T nhưng bà không đồng ý.

Trong danh sách hội viên có tên của chồng bà L là ông Huỳnh Minh Út (tên gọi là Út Lớn), thực tế bà L là người tham gia chơi hội. Hàng tháng bà L đóng hội cho bà T nhưng không nhớ rõ là bao nhiêu. Chồng bà L không tham gia, không liên quan đến hội này. Việc bà T cho anh L chị Th hót chung hội của bà L nhưng không thông báo cho bà L biết. Anh L, chị Th cũng không thông báo cho bà L việc này. Hiện nay bà L không biết anh L, chị Th đang ở đâu, làm gì.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Bạch T và ông Nguyễn Thanh B có trách nhiệm thanh toán cho bà khoản nợ hội với tổng số tiền là 21.250.000 đồng (*Hai mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

Tại bản tự khai ngày 29/7/2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Trần Bạch T trình bày:

Bà T là chủ hội của đây hội khui ngày 25/10/2015 âm lịch, loại 500.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, gồm 44 chung. Chồng bà L là ông Huỳnh Út Lớn có tham gia 01 chung và con bà L là anh Huỳnh Văn L tham gia 03 chung hội. Hội đã mãn ngày 05/5/2019 âm lịch. Tuy nhiên, chung hội của ông Lớn đã được anh L (con bà L) và và Nguyễn Thị Ngọc Thúy (vợ của anh L) mượn hót vào ngày 25/10/2016 âm lịch, có làm giấy tay do chị Th ký nhận để làm tin. Anh L và chị Th hót hội thì bà T không có thông báo cho bà L biết. Từ khi anh L, chị Th hót hội, bà T vẫn thu tiền hội sống của bà L nhưng không xác định được bao nhiêu, số tiền này không cố định. Nếu để tới mãn hội (như của chị Huỳnh Thị Nga) thì hót được 21.500.000 đồng, trừ tiền hoa hồng là 250.000 đồng, thực nhận là 21.250.000 đồng.

Hiện nay, anh L và chị Th đi khỏi địa phương không rõ địa chỉ ở đâu. Bà T phải bù tiền riêng vào để đóng hội chết cho anh L và chị Th. Bà T không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Khi nào anh L về bà mới đồng ý giao tiền hội cho ông Út Lớn, do anh L hiện đang còn nợ tiền bà T.

Anh Nguyễn Minh T – Người đại diện theo ủy quyền của ông B thống nhất với trình bày của bà T.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc Thúy đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng anh L và chị Th vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Huỳnh Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc Thúy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 207, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hui theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L về việc buộc bị đơn bà Trần Bạch T và ông Nguyễn Thanh B trả tiền hui 21.250.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết bà T xác định bà L không có tham gia mà chồng bà L là ông Huỳnh Minh Út (Út Lớn) có tham gia 01 chung hui do bà T và ông B làm chủ nhưng ông Út Lớn cho con trai là Huỳnh Văn Lia và con dâu là Nguyễn Thị Ngọc Thúy mượn hui. Đối với ông Huỳnh Minh Út xác định bà Huỳnh Thị L trực tiếp tham gia chơi 01 chung hui do bà T và ông B làm chủ, lấy tên hui viên là “Út Lớn”. Thực tế hai bên tham gia chơi hui thế nào thì ông Út không biết. Tại phiên tòa, bà T xác định từ khi anh L và chị Th hui chung hui thì bà T vẫn thu tiền hui sống của bà L. Bà T cho rằng anh L mượn hui của ông Út để hui nhưng thực tế bà L vẫn còn đóng hui sống cho bà T đến khi mãn hui là có mâu thuẫn. Như vậy, bà L là người trực tiếp giao dịch hui với bà T, không phải ông Út. Ngoài ra, bà T cung cấp giấy hui thể hiện chị Nguyễn Thị Ngọc Thúy có mượn chung hui của bà Út Lớn và có ký tên nhưng anh L và chị Th bỏ địa phương, Tòa án không làm việc được để làm rõ chữ ký trong giấy mượn hui có phải của chị Th hay không. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 04/7/2019 (bút lục số 09) thể hiện ý kiến của bà T *“thừa nhận phần hui của bà L là hợp lệ. Do vợ chồng ông Huỳnh Văn Lia thiếu tôi nhiều quá, đến khi nào hai vợ chồng ông Lia về tôi sẽ trả lại cho bà L đầy đủ”*. Nếu anh L và chị Th có nợ tiền của bà T thì bà T có quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Vậy, từ phân tích trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà T và ông B phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền nợ hui 21.250.000 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

[4] Án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu 1.062.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 143, 147, 207, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 471, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L. Buộc bị đơn bà Trần Bạch T và ông Nguyễn Thanh B phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 21.250.000 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn phải chịu 1.062.500 đồng. Nguyên đơn không phải nộp án phí, ngày 10/7/2019 nguyên đơn đã dự nộp tiền

tạm ứng án phí 531.000 đồng theo biên lai thu số 0000431 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được hoàn lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Phòng NV-GĐKT (gửi Email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Hoàng Đắc